

BẢNG GIÁ ỐNG VÀ PHỤ KIỆN NHỰA CHỊU NHIỆT PPR

DEKKO

Đơn vị tính: VNĐ/m (Unit: VND/m)

TÊN SẢN PHẨM ITEM	KÍCH CỠ SIZE	ĐƠN GIÁ - PRICE	
		TRƯỚC VAT	THANH TOÁN
ỐNG PN10 - PN10 PIPE			
	Φ20 x 2.3mm	21.273	23.400
	Φ25 x 2.8mm	37.818	41.600
	Φ32 x 2.9mm	49.182	54.100
	Φ40 x 3.7mm	65.909	72.500
	Φ50 x 4.6mm	96.636	106.300
	Φ63 x 5.8mm	154.091	169.500
	Φ75 x 6.8mm	215.182	236.700
	Φ90 x 8.2mm	312.182	343.400
	Φ110 x 10.0mm	499.273	549.200
	Φ125 x 11.4mm	618.182	680.000
	Φ140 x 12.7mm	763.182	839.500
	Φ160 x 14.6mm	1,037.273	1,141.000
	Φ180 x 16.4mm	1,261.818	1,388.000
Φ200 x 18.2mm	1,570.000	1,727.000	
ỐNG PN16 - PN16 PIPE			
	Φ20 x 2.8mm	23.636	26.000
	Φ25 x 3.5mm	43.636	48.000
	Φ32 x 4.4mm	59.091	65.000
	Φ40 x 5.5mm	80.000	88.000
	Φ50 x 6.9mm	127.273	140.000
	Φ63 x 8.6mm	200.000	220.000
	Φ75 x 10.3mm	272.727	300.000
	Φ90 x 12.3mm	381.818	420.000
	Φ110 x15.1mm	581.818	640.000
	Φ125 x 17.1mm	754.545	830.000
	Φ140 x 19.2mm	918.182	1,010.000
	Φ160 x 21.9mm	1,272.727	1,400.000
	Φ180 x 24,5mm	2,280.000	2,508.000
Φ200 x 27.4mm	2,820.000	3,102.000	
ỐNG PN20 - PN20 PIPE			
	Φ20 x 3.4mm	26.273	28.900
	Φ25 x 4.2mm	46.455	51.100
	Φ32 x 5.4mm	67.818	74.600
	Φ40 x 6.7mm	105.000	115.500
	Φ50 x 8.3mm	163.273	179.600
	Φ63 x 10.5mm	257.727	283.500
	Φ75 x 12.5mm	365.455	402.000
	Φ90 x 15.0mm	532.545	585.800
	Φ110 x18.3mm	788.455	867.300
	Φ125 x 20.8mm	1,016.727	1,118.400
	Φ140 x 23.3mm	1,282.364	1,410.600
	Φ160 x 26.6mm	1,702.545	1,872.800
	Φ180 x 29.0mm	2,789.364	3,068.300
Φ200 x 33.2mm	3,465.000	3,811.500	

Đơn vị tính: VNĐ/cái (Unit: VND/pc)

TÊN SẢN PHẨM ITEM	KÍCH CỠ SIZE	ĐƠN GIÁ - PRICE	
		TRƯỚC VAT	THANH TOÁN
CÚT 90° - 90° ELBOW			
	Φ20	5.273	5.800
	Φ25	7.000	7.700
	Φ32	12.182	13.400
	Φ40	20.182	22.200
	Φ50	35.091	38.600
	Φ63	107.545	118.300
	Φ75	140.273	154.300
	Φ90	220.182	242.200
Φ110	397.636	437.400	
CHẾCH 45° - 45° ELBOW			
	Φ20	4.364	4.800
	Φ25	7.000	7.700
	Φ32	10.545	11.600
	Φ40	21.000	23.100
	Φ50	40.091	44.100
	Φ63	93.000	102.300
	Φ75	141.182	155.300
	Φ90	176.091	193.700
	Φ110	292.818	322.100
TÊ - TEE			
	Φ20	6.182	6.800
	Φ25	9.545	10.500
	Φ32	15.727	17.300
	Φ40	25.182	27.700
	Φ50	50.364	55.400
	Φ63	120.909	133.000
	Φ75	151.273	166.400
	Φ90	239.091	263.000
	Φ110	422.727	465.000
TÊ THU - REDUCING TEE			
	Φ25	9.545	10.500
	Φ32	16.818	18.500
	Φ40	37.000	40.700
	Φ50	65.727	72.300
	Φ63	114.273	125.700
	Φ75	156.455	172.100
	Φ90	243.818	268.200
	Φ110	411.727	452.900

Đơn vị tính: VNĐ/cái (Unit: VND/pc)

TÊN SẢN PHẨM ITEM	KÍCH CỠ SIZE	ĐƠN GIÁ - PRICE	
		TRƯỚC VAT	THANH TOÁN
MĂNG SÔNG - COUPLING			
	Φ20	2.818	3.100
	Φ25	4.727	5.200
	Φ32	7.273	8.000
	Φ40	11.636	12.800
	Φ50	21.182	23.300
	Φ63	44.273	48.700
	Φ75	70.091	77.100
	Φ90	118.636	130.500
	Φ110	192.364	211.600
MĂNG SÔNG REN TRONG - FEMALE THREADED COUPLING			
	Φ20*1/2	34.545	38.000
	Φ25*1/2	42.727	47.000
	Φ25*3/4	47.182	51.900
	Φ32*1	76.818	84.500
	Φ40*1 1/4	200.455	220.500
	Φ50*1 1/2	271.000	298.100
	Φ63*2	511.364	562.500
	Φ 75 2 1/2"	728.000	800.800
	Φ 90 3"	1,460.000	1,606.000
	Φ 110 4"	2,681.818	2,950.000
MĂNG SÔNG REN NGOÀI - MALE THREADED COUPLING			
	Φ20*1/2	43.818	48.200
	Φ25*1/2	51.182	56.300
	Φ25*3/4	61.364	67.500
	Φ32*1	90.364	99.400
	Φ40*1 1/4	275.455	303.000
	Φ50*1 1/2	343.636	378.000
	Φ63*2	554.545	610.000
	Φ 75 2 1/2"	850.000	935.000
	Φ 90 3"	1,700.000	1,870.000
	Φ 110 4"	2,400.000	2,640.000
BỘ MÁY HÀN - WELDING FUSION MACHINE			
	Φ20 - Φ50	1,090.909	1,200.000
	Φ63 - Φ110	2,000.000	2,200.000
KÉO CẮT - CUTTER TOOL			
	Φ20 - Φ32	54.545	60.000
ĐẦU HÀN - MOULD			
	Φ20 - Φ25	20.000	22.000
	Φ32 - Φ40	40.000	44.000
	Φ50	50.000	55.000
	Φ63	80.000	88.000
	Φ75	120.000	132.000
	Φ90	150.000	165.000
	Φ110	170.000	187.000

Đơn vị tính: VNĐ/cái (Unit: VND/pc)

TÊN SẢN PHẨM ITEM	KÍCH CỠ SIZE	ĐƠN GIÁ - PRICE	
		TRƯỚC VAT	THANH TOÁN
CÚT REN TRONG 90° - FEMALE THREADED 90° ELBOW			
	Φ20*1/2	38.455	42.300
	Φ25*1/2	43.636	48.000
	Φ25*3/4	58.818	64.700
	Φ32*1	108.636	119.500
CÚT REN NGOÀI 90° - MALE THREADED 90° ELBOW			
	Φ20*1/2	54.091	59.500
	Φ25*1/2	61.182	67.300
	Φ25*3/4	75.909	83.500
	Φ32*1	115.091	126.600
TÊ REN TRONG - FEMALE THREADED TEE			
	Φ20*1/2	38.727	42.600
	Φ25*1/2	41.455	45.600
	Φ25*3/4	60.455	66.500
TÊ REN NGOÀI - MALE THREADED TEE			
	Φ20*1/2	47.818	52.600
	Φ25*1/2	51.818	57.000
	Φ25*3/4	65.909	72.500
RẮCCO NHỰA - UNION			
	Φ20	34.636	38.100
	Φ25	53.818	59.200
	Φ32	78.182	86.000
	Φ40	86.364	95.000
	Φ50	131.909	145.100
	Φ63	292.727	322.000
RẮCCO REN NGOÀI - MALE THREADED UNION			
	Φ20	87.818	96.600
	Φ25	131.455	144.600
	Φ32	219.182	241.100
	Φ40	345.455	380.000
	Φ50	550.909	606.000
	Φ63	767.091	843.800
RẮCCO REN TRONG - FEMALE THREADED UNION			
	Φ20	82.364	90.600
	Φ25	131.818	145.000
	Φ32	193.182	212.500
	Φ40	302.727	333.000
	Φ50	527.273	580.000
	Φ63	666.364	733.000

Đơn vị tính: VNĐ/cái (Unit: VND/pc)

TÊN SẢN PHẨM ITEM	KÍCH CỠ SIZE	ĐƠN GIÁ - PRICE	
		TRƯỚC VAT	THANH TOÁN
VAN CHẶN HÀM ÉCH TAY NHỰA - VALVE-PLASTIC HANDLE			
	Φ20	135.455	149.000
	Φ25	186.000	204.600
	Φ32	213.364	234.700
	Φ40	328.727	361.600
	Φ50	544.091	598.500
VAN CỬA ĐỒNG TAY NHỰA - GATE VALVE			
	Φ20	181.364	199.500
	Φ25	211.909	233.100
	Φ32	300.727	330.800
	Φ40	504.545	555.000
	Φ50	777.273	855.000
	Φ63	1,209.091	1,330.000
VAN BÍ NHỰA - BALL VALVE			
	Φ20	161.364	177.500
	Φ25	216.545	238.200
VAN BÍ TAY 3 CẠNH - BALL VALVE-3 CORNER HANDLE			
	Φ20	356.000	391.600
	Φ25	375.909	413.500
VAN BÍ RẮCCO - BALL VALVE WITH UNION			
	Φ 40	454.545	500.000
	Φ 50	590.909	650.000

Đơn vị tính: VNĐ/cái (Unit: VND/pc)

TÊN SẢN PHẨM ITEM	KÍCH CỠ SIZE	ĐƠN GIÁ - PRICE	
		TRƯỚC VAT	THANH TOÁN
MẶT BÍCH - FLANGE			
	Φ50	27.364	30.100
	Φ63	34.818	38.300
	Φ75	57.455	63.200
	Φ90	89.818	98.800
	Φ110	133.182	146.500
CÔN THU - REDUCER			
	Φ25	4.364	4.800
	Φ32	6.182	6.800
	Φ40	9.545	10.500
	Φ50	17.182	18.900
	Φ63	33.273	36.600
	Φ75	58.091	63.900
	Φ90	94.273	103.700
	Φ110	166.909	183.600
BỊT - END CAP			
	Φ20	2.636	2.900
	Φ25	4.545	5.000
	Φ32	6.182	6.800
	Φ40	8.909	9.800
	Φ50	16.818	18.500
	Φ63	28.182	31.000
	Φ75	145.455	160.000
	Φ90	163.636	180.000
	Φ110	180.000	198.000
ỐNG TRÁNH - SWAN NECK			
	Φ20	13.636	15.000
	Φ25	22.727	25.000



DỰ TOÁN MỘT CÔNG TRÌNH PHỤ



DVT: đồng

1. ỐNG DẪN NƯỚC LẠNH

$\Phi 32 = 3\text{m} \times 54.100 = 162.300\text{đ}$

$\Phi 20 = 3\text{m} \times 23.400 = 70.200\text{đ}$

2. ỐNG DẪN NƯỚC NÓNG

$\Phi 20 = 2\text{m} \times 28.900 = 57.800\text{đ}$

3. Tê $\Phi 32/20$: 1 x 17.300 = 17.300đ

4. Tê $\Phi 20$: 4 x 6.800 = 27.200đ

5. Cút $\Phi 20$: 3 x 5.800 = 17.400đ

6. Cút ren $\Phi 20$: 7 x 42.300 = 296.100đ

7. Van bi $\Phi 20$: 1 x 391.600 = 391.600đ

Tổng cộng = 1.039.900 đồng